

TỔNG CÔNG TY SONADEZI  
CÔNG TY CP SONADEZI CHÂU ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 12.../QĐ-SZC-HĐQT

Châu Đức, ngày 28 tháng 01 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Quy chế Quản trị Công ty**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Sonadezi Châu Đức;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Quản trị lần thứ 10 ngày 19/01/2017,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Quản trị Công ty”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Mọi văn bản, quy định, quyết định trước đây có liên quan trái với quyết định này đều bị bãi bỏ.

**Điều 3.** Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Người đại diện phần vốn của Công ty tại các Công ty thành viên và doanh nghiệp khác, toàn thể Cán bộ - Công nhân viên của Công ty có trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HĐQT



**Phạm Xuân Bách**

**QUY CHẾ QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI CHÂU ĐỨC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/ QĐ-SZC-HĐQT ngày 28/02/2017  
của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Sonadezi Châu Đức)*

**CHƯƠNG I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Căn cứ pháp lý**

Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính;

Điều lệ Công ty CP Sonadezi Châu Đức đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/5/2016 (sửa đổi, bổ sung lần 7).

**Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi: Quy chế Quản trị Công ty này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty.

2. Đối tượng áp dụng: Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc và Phó Giám đốc chi nhánh, xí nghiệp, người đại diện phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác và các cán bộ, nhân viên có liên quan.

**Điều 3. Giải thích thuật ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

2. “Sonadezi Châu Đức” là Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức.

3. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 34, Điều 6 của Luật Chứng khoán và Khoản 17, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.

4. “Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng Quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.

## **CHƯƠNG II**

### **CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông**

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là:

a) Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của công ty;

d) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

e) Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong công ty.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng Quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới công ty, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Trách nhiệm của cổ đông lớn**

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác.

2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 6. Điều lệ công ty**

1. Điều lệ công ty không được trái với các quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Điều lệ Công ty được xây dựng trên cơ sở tham chiếu theo Điều lệ mẫu do Bộ Tài chính quy định, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Trong trường hợp pháp luật hoặc tình hình hoạt động của Công ty có sự thay đổi, Hội đồng Quản trị có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cho phù hợp.

## **Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường**

1. Công ty có trách nhiệm xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, gồm các nội dung chính sau:

- a) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- c) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- d) Cách thức bỏ phiếu;
- e) Cách thức kiểm phiếu;
- f) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- g) Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- h) Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông;
- i) Thông báo quyết định Đại hội đồng cổ đông ra công chúng;
- j) Các vấn đề khác.

2. Công ty tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 05 (năm) ngày trước ngày chốt danh sách. Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu. Công ty phải hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.

3. Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

5. Hàng năm Công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

6. Công ty quy định trong Điều lệ công ty hoặc trong các quy định nội bộ các nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, công ty phải đảm bảo gửi, công bố đầy đủ tài liệu và đảm bảo thời gian họp lý cho các cổ đông xem xét tài liệu trước khi gửi phiếu biểu quyết như trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

0001  
CÔ  
CỔ  
ON  
CHÂ  
NH

#### **Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên**

Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;
- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;
- Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các quyết định của Hội đồng Quản trị;
- Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành;
- Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý;
- Các kế hoạch trong tương lai;
- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 9. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên**

Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát;
- Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các quyết định của Ban Kiểm soát;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
- Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông.

#### **Điều 10. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập**

Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán phải được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

### **CHƯƠNG III**

#### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 11. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị**

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu 07 (bảy) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông

có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh quản lý khác;
- Các lợi ích có liên quan tới công ty (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

2. Các ứng viên Hội đồng Quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Việc đề cử ứng viên Hội đồng Quản trị mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty. Cơ chế Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo phương thức dồn phiếu.

## **Điều 12. Tư cách thành viên Hội đồng Quản trị**

1. Thành viên Hội đồng Quản trị là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ công ty cấm làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty.

2. Công ty cần hạn chế thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm các chức danh quản lý trong bộ máy điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng Quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc điều hành.

## **Điều 13. Thành phần Hội đồng Quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là 05 (năm) người hoặc là số lượng được quy định tại Điều lệ Công ty. Cơ cấu Hội đồng Quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên nắm giữ các chức danh điều hành với các thành viên độc lập, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

3. Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ công ty. Việc bầu mới thành viên Hội đồng Quản trị thay thế phải được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

#### **Điều 14. Các tiểu ban của Hội đồng Quản trị**

1. Hội đồng Quản trị cần thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng Quản trị.

2. Hội đồng Quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.

3. Trường hợp công ty không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng Quản trị có thể cử người phụ trách riêng về từng vấn đề cụ thể.

#### **Điều 15. Quyền của thành viên Hội đồng Quản trị**

Thành viên Hội đồng Quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

#### **Điều 16. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị**

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của công ty.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm công bố cho công ty các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty.

5. Các thành viên Hội đồng Quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.

6. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng Quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm

bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

### **Điều 17. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị**

1. Hội đồng Quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của công ty.

3. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.

4. Hội đồng Quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm:

- Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị;
- Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị;
- Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
- Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.

5. Hội đồng Quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị với Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành, gồm các nội dung chính sau đây:

a) Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý:

- Các tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ quản lý;
- Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý;
- Ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý;
- Các trường hợp miễn nhiệm cán bộ quản lý;
- Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý.

b) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành:

- Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành;
- Thông báo nghị quyết của Hội đồng Quản trị cho Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành;
- Các trường hợp Tổng Giám đốc điều hành và Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng Quản trị;



- Báo cáo của Tổng Giám đốc điều hành với Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

- Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề uỷ quyền khác của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc điều hành;

- Các vấn đề Tổng Giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;

- Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

6. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

7. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

#### **Điều 18. Hợp Hội đồng Quản trị**

1. Hội đồng Quản trị tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị của công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng Quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **Điều 19. Thù lao của Hội đồng Quản trị**

1. Thù lao của Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm.

2. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị kiêm-nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của công ty và các công ty con thì thù lao được công bố phải bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.

3. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do công ty thanh toán, cấp cho từng thành viên Hội đồng Quản trị được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của công ty.

#### **Điều 20. Thư ký Công ty**

1. Hội đồng Quản trị có thể chỉ định 01 (một) người làm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư ký Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Công ty:
- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
  - Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - Tham dự các cuộc họp;
  - Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với luật pháp;
  - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát.

3. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và của Công ty.

## **CHƯƠNG IV**

### **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 21. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát**

Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị được quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 11 Quy chế này.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty. Cơ chế đề cử của Ban Kiểm soát đương nhiệm được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

#### **Điều 22. Tư cách thành viên Ban Kiểm soát**

1. Thành viên Ban Kiểm soát là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ công ty cấm làm thành viên Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên Ban Kiểm soát có thể không phải là cổ đông của Công ty.

2. Thành viên Ban Kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

#### **Điều 23. Thành phần Ban Kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát là 03 (ba) người hoặc là số lượng được quy định tại Điều lệ. Ban Kiểm soát phải có ít nhất 01 (một) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên và phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

2. Trưởng Ban Kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.

#### **Điều 24. Quyền tiếp cận thông tin của thành viên Ban Kiểm soát**

1. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng

Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên Ban Kiểm soát.

2. Công ty xây dựng cơ chế nhằm hỗ trợ thành viên Ban Kiểm soát hoạt động và thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **Điều 25. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban Kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công ty và cổ đông.

2. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

3. Trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban Kiểm soát quan tâm.

4. Trường hợp Ban Kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.

5. Ban Kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

6. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

## **Điều 26. Thù lao của Ban Kiểm soát**

Các thành viên Ban Kiểm soát được hưởng thù lao hoặc tiền lương cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban Kiểm soát. Thù lao hoặc tiền lương của các thành viên Ban Kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng số thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà công ty đã thanh toán, cấp cho từng thành viên Ban Kiểm soát được công bố trong Báo cáo thường niên của công ty và cho các cổ đông.

## **CHƯƠNG V**

### **PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **Điều 27. Trình tự, thủ tục triệu tập và thông báo kết quả các cuộc họp**

##### **1. Cuộc họp Hội đồng Quản trị:**

- Ban Kiểm soát được nhận thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
- Trường hợp Tổng Giám đốc được mời tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị thì sẽ được nhận thông báo và các tài liệu kèm theo (nếu có).
- Trường hợp Ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị thì phải gửi văn bản đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo thời hạn quy định tại Điều lệ công ty.
- Biên bản họp Hội đồng Quản trị sẽ được gửi đến Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.

##### **2. Cuộc họp Ban Kiểm soát:**

- Trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban Kiểm soát quan tâm. Việc yêu cầu tham dự họp Ban Kiểm soát phải gửi bằng văn bản trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và các tài liệu kèm theo (nếu có).
- Biên bản họp của Ban Kiểm soát có sự tham gia của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc phải được gửi đến các thành viên tham dự cuộc họp.

##### **3. Các cuộc họp khác:**

- Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được quyền tham dự các cuộc họp giao ban và các cuộc họp khác khi thấy cần thiết nhưng phải thông báo đến Tổng Giám đốc. Biên bản họp sẽ được gửi đến các thành viên tham dự.
- Trường hợp Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc cần tổ chức cuộc họp có sự tham gia của các thành viên trên thì phải gửi thông báo đến các thành viên còn lại trước 03 (ba) ngày của cuộc họp với mục đích phục vụ cho hoạt động điều hành, kiểm tra và giám sát hoạt động của Công ty. Biên bản họp sẽ do thành viên mời họp lập và gửi cho các thành viên tham dự cuộc họp.

#### **Điều 28. Các nghị quyết và báo cáo**

1. Các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phải được gửi đến Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc bằng văn bản.

2. Tổng Giám đốc phải lập báo cáo về kết quả và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh gửi đến Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát chậm nhất sau 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc quý.

3. Các báo cáo khác của Tổng Giám đốc gửi đến Hội đồng Quản trị đồng thời gửi đến Ban Kiểm soát.

4. Ban Kiểm soát có thể trao đổi ý kiến trực tiếp hoặc bằng văn bản với Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc về các nội dung trong các báo cáo của Ban Kiểm soát.

### **Điều 29. Phối hợp hoạt động kiểm soát và giám sát**

1. Hội đồng Quản trị giám sát Tổng Giám đốc trong việc điều hành kinh doanh hàng ngày của Công ty; Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm các quy định pháp luật, điều lệ công ty, nghị quyết của Hội đồng Quản trị thì cơ quan giám sát phải thông báo ngay bằng văn bản đến đối tượng vi phạm, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

2. Trường hợp Hội đồng Quản trị phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng Quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

3. Kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm (nếu có) phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thực hiện phối hợp trong công tác kiểm tra, kiểm soát.

4. Hội đồng Quản trị tổ chức các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ tại Công ty phải gửi quyết định kiểm tra đến Ban Kiểm soát được biết. Ban Kiểm soát có quyền cử người tham gia các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ và phải có văn bản thông báo đến Hội đồng Quản trị về việc tham gia này.

5. Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc khi tiến hành các hoạt động kiểm tra tại Công ty trước 07 (bảy) ngày làm việc.

6. Trường hợp Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra người đại diện của Công ty tại các doanh nghiệp khác và yêu cầu cung cấp số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động tại các doanh nghiệp có vốn góp của công ty thì phải gửi thông báo bằng văn bản đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị trước khi thực hiện, trong đó ghi rõ nội dung cần kiểm tra, kiểm soát.

## **CHƯƠNG VI**

### **NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH**

**Điều 30. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác**

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng Quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ trên trang thông tin điện tử của công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng Quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của công ty.

6. Các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 31. Giao dịch với người có liên quan**

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của công ty hay lũng đoạn giá cả.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn

lực khác của công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

### **Điều 32. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty**

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến công ty.

2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến công ty thông qua việc:

a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của công ty và đưa ra quyết định;

b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.

3. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

## **CHƯƠNG VII CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **Điều 33. Quy chế nội bộ về quản trị công ty**

Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty không được trái với các nguyên tắc và quy định hiện hành về quản trị công ty. Quy chế quản trị được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;

b) Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;

c) Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị;

d) Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý;

e) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc;

f) Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;

g) Quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị.

### **Điều 34. Nghĩa vụ công bố thông tin**

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị

công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra, Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

### **Điều 35. Công bố thông tin về quản trị công ty**

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 06 (sáu) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **Điều 36. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc**

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian 03 (ba) năm trước.

2. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành hoặc cổ đông lớn.

3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.

### **Điều 37. Đào tạo về quản trị công ty**

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Thư ký Công ty phải tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.

## **CHƯƠNG VIII GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

### **Điều 38. Giám sát**

Công ty, các tổ chức và cá nhân có liên quan phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật

### **Điều 39. Xử lý vi phạm**

Công ty, các tổ chức và cá nhân có liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại Quy chế này tùy theo tính chất, mức độ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật

## **CHƯƠNG IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 40. Bổ sung, sửa đổi**

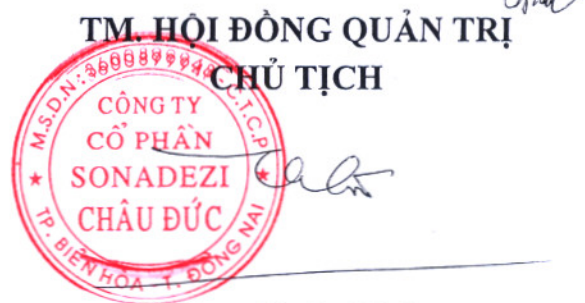
1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Hội đồng Quản trị Công ty xem xét và quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

### **Điều 41. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế quản trị công ty này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

2. Các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm triển khai, thực hiện Quy chế này.



**Phạm Xuân Bách**